TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 13 - 6 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Ngọc Thắng
2. Ông Nguyễn Xuân Bản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên toà:* Bà Đỗ Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V (V1).**
Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT V1.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợp pháp lý V1 (Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/07/2023).
Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Hoàng L: Ông Trần Mạnh Đ - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ pháp lý KHCN MB01 (Văn bản ủy quyền số 256/2024/UQ-LCC-VPB ngày 01/06/2024).
Có mặt.

Bị đơn:
- Anh **Quách Văn P** - Sinh năm 1990; Có mặt
- Chị **Quách Thị H** - Sinh năm 1985; Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Quách Văn H1** - Sinh năm 1956; Vắng mặt
- Bà **Nguyễn Thị D1** - Sinh năm 1957; Vắng mặt

Đều có địa chỉ: thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án*, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Tất Đ1 trình bày:

Thực hiện theo chính sách cho vay vốn, Ngân hàng TMCP V (V1) cho anh Quách Văn P, sinh năm 1990 và chị Quách Thị H, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vay vốn theo hợp các Hợp đồng tín dụng sau đây:

- Hợp đồng cho vay số LN2106013820603 ngày 07/06/2021.

Số tiền vay: 608.000.000 đồng.

Mục đích vay: vay hkd bổ sung vốn sản xuất và buôn bán các mặt hàng thêu tay và thủ công mỹ nghệ.

Thời hạn vay: 108 tháng (Một trăm lẻ tám tháng).

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9.5%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày 09/06/2021. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/06/2022, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/07/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 108 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 4.5%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thười gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

- Hợp đồng cho vay số LN2211037314456 ngày 07/11/2022.

Số tiền vay: 574.500.000 đồng;

Mục đích vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu MITSUBISHI, Triton GLS, 2.4L, mấy dầu, AT, 4x2 sản xuất mới 100%.

Thời hạn vay: 96 tháng (Chín mươi sáu tháng).

Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 11.5%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau Thời gian cố định, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày đầu

quý gần nhất tính từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo (ngày đầu quý là ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hằng năm). Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản đảm bảo cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.vbpank.com.vncó hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3.6%/năm.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ xấu quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời

- Hợp đồng cho vay số LD2207400438 ngày 15/03/2022.

Số tiền cho vay: 100.000.000 đồng.

Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng cho vay số LD2233201337 ngày 28/11/2022.

Số tiền cho vay: 29.000.000 đồng;

Thời hạn vay: 36 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên vay.

Mục đích sử dụng vốn: Cho vay tiêu dùng.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 25%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày).

Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn á dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm tương ứng với thời gian chậm trả.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng; giấy đề Bút lục số nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/06/2021.

Hạn mức đề nghị: 30.000.000 đồng.

Loại thẻ: V1.

Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống.

Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do V1 quy định qua từng thời kỳ.

b. Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 37 (tương ứng thửa 503); tờ bàn đồ số: 07 (tương ứng tờ số 1); tại địa chỉ: Xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất" số B 026599, do UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/12/2000 cho ông Quách Văn H1. Chi tiết hợp đồng thế chấp LN2106013820603, Số Công chứng 5491, quyển số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 07/06/2021 tại văn phòng C giữa ông Quách Văn H1; bà Nguyễn Thị D1 và V1. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

- 01 Xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Triton GLS, 2.4L, máy dầu, AT, 4x2 sản xuất mới 100%, biển số đăng ký 36C-410.49, có số khung MMBJLKK10PH031645, số máy 4N15UJP3679; Giấy hẹn nhận đăng ký xe ô tô do Đội cảnh sát giao thông - Công an Huyện N, Tỉnh Thanh Hóa ngày 07/11/2022 cho anh Quách Văn P. Chi tiết Hợp đồng thế chấp Số LN2211037314456 ký ngày 04/11/2022 giữa bên thế chấp là anh Quách Văn P và chị Quách Thị H, bên nhận Thế chấp là Ngân hàng V1.

c. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn, với mức lãi suất nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 13/6/2024, nợ các khoản vay nêu trên là: 1.436.087.868 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm sáu tám đồng).

Trong đó:

- Hợp đồng cho vay số LN2106013820603 ngày 07/06/2021.

Nợ gốc: 482.390.951 đồng.
Lãi trong hạn: 8.058.030 đồng.
Lãi quá hạn: 93.884.681 đồng.
Lãi chậm trả: 6.842.835 đồng.
Tổng cộng: 591.176.497 đồng.

- Hợp đồng cho vay số LN2211037314456 ngày 07/11/2022.

Nợ gốc: 538.593.750 đồng.
Lãi trong hạn: 8.982.871 đồng.
Lãi quá hạn: 97.721.744 đồng.

Lãi chậm trả: 6.397.461 đồng.
Tổng cộng: 651.695.826 đồng.
- Hợp đồng cho vay số LD2207400438 ngày 15/03/2022.
Nợ gốc: 71.368.982 đồng.
Lãi trong hạn: 4.291.058 đồng.
Lãi quá hạn: 23.756.364 đồng.
Tổng cộng: 99.416.404 đồng.
- Hợp đồng cho vay số LD2233201337 ngày 28/11/2022.
Nợ gốc: 25.882.336 đồng.
Lãi trong hạn: 1.416.178 đồng.
Lãi quá hạn: 10.637.975 đồng.
Tổng cộng: 37.936.489 đồng.
- Nợ thẻ tín dụng:
Nợ gốc: 24.984.821 đồng
Nợ lãi: 30.877.831 đồng
Tổng cộng: 55.862.652 đồng

Do bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng nên V1 yêu cầu:

a. Yêu cầu Tòa án buộc anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với V1, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến hết ngày 13/6/2024 các khoản tiền này là:

Tổng nợ gốc: 1.143.220.840 đồng.
Tổng nợ lãi trong hạn: 22.748.137 đồng.
Tổng nợ lãi quá hạn: 226.000.764 đồng
Tổng lãi chậm trả: 13.240.296 đồng.
Lãi thẻ tín dụng: 30.877.831 đồng.

Tổng cộng: 1.436.087.868 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm sáu tám đồng).

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

c. Trường hợp bị đơn anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền tự bán tài sản đảm bảo hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, cưỡng chế, kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho V1.

d. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi các khoản nợ được tất toán.

e. Anh Quách Văn P và vợ là chị Quách Thị H phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Kèm theo đơn khởi kiện, ngân hàng V1 còn gửi cho Tòa án các văn bản liên quan đến các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp; các văn bản liên quan đến việc yêu cầu trả nợ, quá trình trả nợ; các văn bản thể hiện tư cách đương sự và các văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; bản sao chứng thực căn cước công dân của ông Nguyễn Hồng B, Trần Tất Đ1, anh Quách Văn P, chị Quách Thị H, ông Quách Văn H1, bà Nguyễn Thị D1.

* *Quá trình giải quyết vụ án,* bị đơn anh Quách Văn P, chị Quách Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Quách Văn H1 và bà Nguyễn Thị D1 đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để trình bày quan điểm về vụ án, Thông báo hòa giải, thông báo hoãn phiên hòa giải, Quyết định gia hạn, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

* Trên cơ sở yêu cầu của Tòa án đoàn thẩm định đã căn cứ theo Hợp đồng thế chấp số LN2106013820603 ngày 07/6/2021; Hợp đồng thế chấp số LN2211037314456 ngày 04/11/2022; Căn cứ vào hồ sơ giao đất; bản đồ giao đất của xã P xem xet thực địa; 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Triton GLC, 2.4L, máy dầu, AT, 4x2, biển số 36C-410.49 (số khung: MMBJLKK10PH031645, số máy: 4N15UJP3679). Kết quả xem xét, thẩm định ngày 09/4/2024 như sau:

I. Tài sản thứ nhất (tại thửa đất số 37, tờ bản đồ 07):

1.1. Tài sản thuộc đối tượng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2106013820603 ngày 07/6/2021 và văn bản thỏa thuận ngày 07/6/2021:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số: 503, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã P. Nay thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 07, bản đồ địa chính xã P năm 2007. Giấy CNQSD đất số B 026599, do UBND huyện N cấp ngày 20/12/2000 mang tên ông Quách Văn H1.

- Diện tích theo GCNQSD đất là 400m^2 đất ở, tại trang bổ sung giấy chứng nhận ngày 19/5/2021: Tại thửa đất số 503 (tương ứng thửa 37) tờ bản đồ 01 (tương ứng tờ số 07) diện tích 603 m^2, trong đó đất ở 400m^2, đất trồng cây lâu năm 203m^2 tại xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Tên chủ sử hữa Quách Văn H1.

- Diện tích xác định trên thực địa: 653,2m^2.

Ranh giới thửa đất được xác định trên thực địa cụ thể như sau:

+ Phía Đông: Gấp khúc 4 đoạn, tổng chiều dài 44,24m giáp đất hộ gia đình bà Quách Thị H2 đang sử dụng.

+ Phía Tây: Gấp khúc 2 đoạn, tổng chiều dài 30,46m giáp đất lúa (LUC) hộ ông Tạ Xuân T.

+ Phía Nam: Dài 25,71m giáp đất thủy sản (TSN) của ông Quách Văn H1.

+ Phía Bắc: Gấp khúc ba đoạn, tổng chiều dài 23,19m giáp đất hộ gia đình ông Quách Văn B1.

Đất được thẩm định không có tranh chấp.

- Tài sản gắn liền với đất:

+ 01 nhà ở cấp 4, nhà bếp, công trình phụ, chuồng trại chăn nuôi.

+ 01 móng nhà xây dựng năm 2015, khoảng 120m^2.

II. Tài sản thứ hai:

2.1. Tài sản thuộc đối tượng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2211037314456 ngày 04/11/2022:

Một xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Triton GLS, 2.4L, máy dầu, AT, 4x2, biển số đăng ký 36C-410.49, số khung MMBJLKK10PH031645, số máy 4N15UJP3679, giấy hẹn cấp đăng ký cho anh Quách Văn P.

Tại thời điểm thẩm định, Tòa án không liên lạc được với bị đơn anh Quách Văn P và chị Quách Thị H nên Tòa án không có thông tin về thực trạng chiếc xe ô tô nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Quách Văn P và chị Quách Thị H phải trả số tiền tính đến hết ngày 13/6/2024 tổng cộng 1.436.087.868 đồng. Trong đó:

Tổng nợ gốc: 1.143.220.840 đồng.

Tổng nợ lãi trong hạn: 22.748.137 đồng.

Tổng nợ lãi quá hạn: 226.000.764 đồng

Tổng lãi chậm trả: 13.240.296 đồng.

Lãi thẻ tín dụng: 30.877.831 đồng.

Trường hợp phía bị đơn không trả được nợ cho V1 thì đề nghị Tòa án tuyên kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm tiền vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay. Nếu tại sản phát mại không đủ để trả nợ thì đề nghị Tòa án buộc anh Quách Văn P và chị Quách Thị H tiếp tục trả nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi tất toán khoản vay.

Đề nghị được chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản (10.000.000 đồng).

- Bị đơn Quách Văn P chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Quách Thị H, ông Quách Văn H1, bà Nguyễn Thị D1 không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bị đơn Quách Văn P chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn Quách Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện quả nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng nhưng bên cho vay không vì mục đích lợi nhuận nên là tranh chấp dân sự. Giao dịch dân sự được thực hiện tại huyện N, nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi thực hiện Hợp đồng giải quyết vụ án. Trong vụ án, các đương sự đều là pháp nhân thành lập tại Việt Nam và đăng ký kinh doanh theo pháp luật Việt Nam. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn Quách Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quách Văn H1, Nguyễn Thị D1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng tại phiên toà chỉ mình anh P có mặt; chị H, ông H1 và bà D1 đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, ông H1 và bà D1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, bên vay tín dụng vi phạm hợp đồng từ ngày 14/5/2023 nên ngày 21/9/2023 VPB khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 588 của Bộ luật Dân sự và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[4] Hợp đồng tín dụng số LN2106013820603 ngày 07/06/2021; Hợp đồng tín dụng số LN2211037314456 ngày 07/11/2022; Hợp đồng cho vay số LD2207400438 ngày 15/03/2022; Hợp đồng cho vay số LD2233201337 ngày 28/11/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề Bút lục số nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/06/2021. Đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại các Điều 117; 292; 295; 317; 318 của Bộ Luật Dân sự và các quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng có hiệu lực.

[5] Về quá trình thực hiện Hợp đồng và trách nhiệm dân sự: Bên vay tài sản là anh Quách Văn P và chị Quách Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng nên phải có trách nhiệm trả nợ theo các điều khoản có trong Hợp đồng tín dụng

Hợp đồng tín dụng số LN2106013820603 ngày 07/06/2021; Hợp đồng tín dụng số LN2211037314456 ngày 07/11/2022; Hợp đồng cho vay số LD2207400438 ngày 15/03/2022; Hợp đồng cho vay số LD2233201337 ngày 28/11/2022; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 01/06/2021 là phù hợp với quy định tại các Điều 357; 465; 466 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét tính hợp pháp của số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ, đã được phía bị đơn chấp nhận, HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc 1.143.220.840 đồng là tiền anh P và chị H vay, chưa trả nên V1 yêu cầu anh P, ba H trả cho nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản đã thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- Số tiền lãi trong hạn 8.058.030 đồng và lãi quá hạn 93.884.681 đồng chưa trả tính từ ngày 09/6/2021 đến hết ngày 13/6/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng cho vay số LN2106013820603 ngày 07/06/2021 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn 8.982.871 đồng và lãi quá hạn 97.721.744 đồng chưa trả tính từ ngày 08/11/2022 đến hết ngày 13/6/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng cho vay số LN2211037314456 ngày 07/11/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn 4.291.058 đồng và lãi quá hạn 23.756.364 đồng chưa trả tính từ ngày 15/3/2022 đến hết ngày 13/6/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng cho vay số LD2207400438 ngày 15/03/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi trong hạn 1.416.178 đồng và lãi quá hạn 10.637.975 đồng chưa trả tính từ ngày 28/11/2022 đến hết ngày 13/6/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn trong Hợp đồng cho vay số LD2233201337 ngày 28/11/2022 là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi 30.877.831 đồng thẻ tín dụng chưa trả tính đến hết ngày 13/6/2024 theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản ghi trong hợp đồng tín dụng nên chấp nhận.

* Đối với tiền lãi chậm trả: khoản tiền lãi chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

- Số tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số LN2106013820603, tính từ ngày 15/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (hết ngày 13/6/2024), số tiền 6.842.835 đồng là phù hợp với thoả thuận tại điểm e khoản 7 Điều 1 trong Hợp đồng nên chấp nhận.

- Số tiền lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số LN2211037314456 ngày 07/11/2022, tính từ ngày 10/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (hết ngày 13/6/2024), số tiền 6.397.461 đồng là phù hợp với thoả thuận tại điểm f khoản 7 Điều 1 trong Hợp đồng nên chấp nhận.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tính đến hết ngày 13/6/2024 là 1.436.087.868 đồng. Trong đó bao gồm: nợ gốc: 1.143.220.840 đồng; nợ lãi trong hạn: 22.748.137 đồng; nợ lãi quá hạn: 226.000.764 đồng; lãi chậm trả: 13.240.296 đồng; nợ lãi thẻ tín dụng: 30.877.831 đồng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc phát mại tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp LN2106013820603 ngày 07/06/2021 và Hợp đồng thế chấp số: LN2211037314456 ngày 04/11/2022; phù hợp với thoả thuận ghi trong các hợp đồng cho vay nên chấp nhận. Theo đó, nếu bị đơn không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức phát mại các tài sản bảo đảm gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 503 (tương ứng thửa 37) tờ bản đồ 01 (tương ứng tờ số 07) bản đồ địa chính xã P Nghi năm 2007 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Triton GLS, biển số đăng ký 36C-410.49, số khung MMBJLKK10PH031645, số máy 4N15UJP3679, mang tên anh Quách Văn P để thu hồi nợ. Trường hợp tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì bị đơn tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn cho đến khi tất toán khản vay.

[8] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

[10] *Về chi phí tố tụng:* Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Đối với chi phí tố tụng khác, nguyên đơn đề nghị chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (10.000.000 đồng) và đã nộp đủ tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên chấp nhận

[11] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; Điều 35; Điều 40; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280; của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 117; 292; 295; 317; 318; 357; 465; 466 của Bộ Luật Dân sự;

- Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của U;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V. Cụ thể:

Buộc anh Quách Văn P và chị Quách Thị H phải trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP V, tổng số tiền: 1.436.087.868 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm sáu tám đồng), trong đó:

Tổng nợ gốc: 1.143.220.840 đồng.
Tổng nợ lãi trong hạn: 22.748.137 đồng.
Tổng nợ lãi quá hạn: 226.000.764 đồng
Tổng lãi chậm trả: 13.240.296 đồng.
Lãi thẻ tín dụng: 30.877.831 đồng.

Nếu anh Quách Văn P và chị Quách Thị H không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tổ chức bán đấu giá tài sản bảo đảm gồm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 503 (tương ứng thửa 37) tờ bản đồ 01 (tương ứng tờ số 07) bản đồ địa chính xã P Nghi năm 2007 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, Triton GLS, biển số đăng ký 36C-410.49, số khung MMBJLKK10PH031645, số máy 4N15UJP3679, mang tên anh Quách Văn P để thu hồi nợ. Trường hợp tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì anh Quách Văn P và chị Quách Thị H tiếp tục phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi tất toán khoản vay.

Về án phí: Anh Quách Văn P và chị Quách Thị H phải chịu 55.083.000 đồng (Năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí nên được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.774.000 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0004022 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng TMCP V phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp là 10.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP V đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Đình Huy